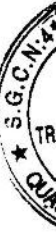




**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 9, Tòa nhà Vietcombank, Số 5 Quảng trường Mê Linh, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Chủ tịch
Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận hợp nhất thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.742.471.502 VND (2015: 53.655.476.319 VND). Trong năm, Công ty công bố cổ tức là 48.245.922.000 VND (2015: không).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)**

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện Hội đồng Quản trị:

La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-204/HN



Lã Thị Ngọc Hà
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		968.263.448.527	723.369.225.228
Tiền	110	5	70.641.280.080	89.554.343.631
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		148.032.861.111	110.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	148.032.861.111	110.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		267.964.903.458	264.758.028.348
Phải thu của khách hàng	131	7	137.189.232.965	166.392.223.395
Trả trước cho người bán	132		62.319.992.355	46.555.992.801
Phải thu về cho vay	135	8	19.700.000.000	19.700.000.000
Phải thu khác	136	9	49.125.153.090	32.479.287.104
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(369.474.952)	(369.474.952)
Hàng tồn kho	140	11	395.388.897.885	189.457.537.525
Tài sản ngắn hạn khác	150		86.235.505.993	69.599.315.724
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	11.763.397.020	15.163.620.582
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.889.247.299	30.258.146.656
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	20(b)	13.582.861.674	24.177.548.486

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.376.271.548.374	1.160.821.401.085
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.700.007.014	15.527.926.800
Tài sản cố định	220		1.284.677.895.353	1.060.982.781.943
Tài sản cố định hữu hình	221	12	681.882.603.626	602.116.736.663
<i>Nguyên giá</i>	222		1.229.064.396.594	1.173.478.752.635
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(547.181.792.968)	(571.362.015.972)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	297.669.998.256	183.388.169.164
<i>Nguyên giá</i>	225		393.044.466.499	251.005.866.748
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(95.374.468.243)	(67.617.697.584)
Tài sản cố định vô hình	227	14	305.125.293.471	275.477.876.116
<i>Nguyên giá</i>	228		326.103.351.218	293.022.726.538
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.978.057.747)	(17.544.850.422)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.575.443.903	10.682.444.920
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	8.575.443.903	10.682.444.920
Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	10.000.000.000	30.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		54.318.202.104	43.628.247.422
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	30.659.624.187	13.623.519.003
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	679.264.389	432.363.900
Lợi thế thương mại	269	18	22.979.313.528	29.572.364.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.344.534.996.901	1.884.190.626.313

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.716.280.591.491	1.213.272.770.405
Nợ ngắn hạn	310		1.236.492.713.165	1.078.958.885.987
Phải trả người bán	311	19	188.833.395.385	146.987.010.320
Người mua trả tiền trước	312		21.463.846.801	21.614.323.601
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	20(a)	6.488.110.345	5.993.182.680
Phải trả người lao động	314		1.594.496.976	3.503.022.999
Chi phí phải trả	315	21	8.616.512.805	18.484.741.653
Phải trả khác	319	22	5.801.517.646	4.362.125.436
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	1.000.729.689.404	875.042.724.862
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.965.143.803	2.971.754.436
Nợ dài hạn	330		479.787.878.326	134.313.884.418
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	442.157.878.326	96.683.884.418
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	37.630.000.000	37.630.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		628.254.405.410	670.917.855.908
Vốn chủ sở hữu	410	24	628.254.405.410	670.917.855.908
Vốn cổ phần	411	25	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	26(i)	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26(ii)	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		128.826.611.791	170.663.978.335
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		122.418.056.335	118.841.762.757
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		6.408.555.456	51.822.215.578
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		916.849.365	1.742.933.319
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.344.534.996.901	1.884.190.626.313

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:

 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	1.656.760.433.232	1.871.163.250.743
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	26.935.631.581	13.901.360.033
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	1.629.824.801.651	1.857.261.890.710
Giá vốn hàng bán	11		1.100.085.695.197	1.322.356.725.285
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		529.739.106.454	534.905.165.425
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	13.438.491.821	6.997.128.809
Chi phí tài chính	22	31	73.818.375.554	109.856.849.101
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>71.118.017.181</i>	<i>60.016.850.064</i>
Chi phí bán hàng	25	32	342.428.599.327	278.513.178.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	106.720.621.574	78.389.228.171
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		20.210.001.820	75.143.038.534
Thu nhập khác	31	34	20.607.686.964	1.809.060.604
Chi phí khác	32	35	15.437.821.504	3.643.684.181
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.169.865.460	(1.834.623.577)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.379.867.280	73.308.414.957
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	18.884.296.267	15.856.059.686
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(246.900.489)	3.796.878.952
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.742.471.502	53.655.476.319

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

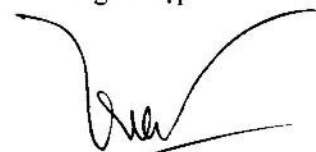
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.742.471.502	53.655.476.319
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	24	6.408.555.456	55.753.003.817
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	24	333.916.046	(2.097.527.498)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	133	1.156

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		25.379.867.280	73.308.414.957
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		135.154.183.980	134.889.143.095
Các khoản dự phòng	03		-	25.872.000
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.521.950.271	(45.748.555)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		(18.490.910.790)	2.014.848.463
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		6.344.480.546	-
Lỗ từ thanh lý một công ty con	05		-	39.661.341.705
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.438.300.610)	(5.634.608.875)
Chi phí lãi vay	06		71.118.017.181	60.016.850.064
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		210.589.287.858	304.236.112.854
Biến động các khoản phải thu	09		(18.202.615.045)	(64.446.042.848)
Biến động hàng tồn kho	10		(205.931.360.360)	58.202.522.619
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.367.402.366	20.177.260.192
Biến động chi phí trả trước	12		(13.470.881.622)	(6.748.262.282)
			(1.648.166.803)	311.421.590.535
Tiền lãi vay đã trả	14		(67.021.641.800)	(60.446.570.050)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(6.873.993.403)	(18.028.227.716)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.610.633)	(23.346.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.550.412.639)	232.923.446.112

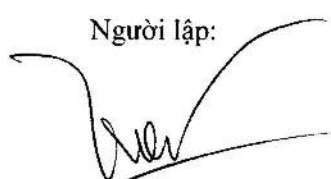
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

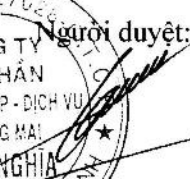
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(267.594.207.341)	(18.402.649.990)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		102.651.696.912	882.545.454
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(18.032.861.111)	(140.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		-	50.000.000.000
Tiền chi cho người lao động vay	23		-	(19.700.000.000)
Tiền thu thuần từ thanh lý một công ty con	26		-	49.341.346.332
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.535.334.662	2.181.029.707
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(175.440.036.878)	(75.697.728.497)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.379.662.132.633	2.194.589.715.747
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	33		200.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.188.483.813.279)	(2.249.924.414.603)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(110.493.307.246)	(61.665.378.374)
Tiền trả cổ tức	36		(48.605.922.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		232.079.090.108	(117.000.077.230)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(18.911.359.409)	40.225.640.385
Tiền đầu năm	60		89.554.343.631	49.279.280.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(1.704.142)	49.422.365
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	70.641.280.080	89.554.343.631

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập: 
Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp (1/1/2016: 5 công ty con) như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty con trực tiếp			
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa	Sản xuất bao bì bằng nhựa	100%	100%
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế (*)	Sản xuất, bảo quản và phân phối thịt và các sản phẩm liên quan.	100%	-
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế La Maison (**)	Sản xuất, bảo quản và phân phối thịt và các sản phẩm liên quan.	100%	-
Công ty con gián tiếp			
Công ty TNHH hàng tiêu dùng Thái Long (***)	Sản xuất và phân phối nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	100%	-

(*) Tại ngày 29 tháng 2 năm 2016, theo biên bản số 007/NQ/HDQT/NNG/16, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế với vốn pháp định được duyệt là 66 tỷ VND trong đó 100% vốn pháp định được duyệt do Công ty đóng góp. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn.

(*) Tại ngày 5 tháng 9 năm 2016, theo biên bản số 019/NQ/HDQT/NNG/16, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế La Maison với vốn pháp định được duyệt là 66 tỷ VND trong đó 100% vốn pháp định được duyệt do Công ty đóng góp. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn.

(***) Công ty TNHH hàng tiêu dùng Thái Long được thành lập vào ngày 25 tháng 2 năm 2016 và sở hữu toàn bộ bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 2.029 nhân viên (1 tháng 1 năm 2016: 1.255 nhân viên).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 268 tỷ VND (1/1/2016: 356 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	2016		2015		2016		2015		Hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.166.938.009.682	1.457.200.301.719	462.886.791.969	400.061.588.991	-	-	1.629.824.801.651	1.857.261.890.710		
Doanh thu trong bộ phận	1.275.952.416.216	1.169.780.357.965	264.064.585.002	200.041.096	(1.540.017.001.218)	(1.169.980.399.061)	-	-		
Doanh thu giữa các bộ phận	35.997.450.741	33.455.564.696	566.902.074	204.452.185	(36.564.352.815)	(33.660.016.881)	-	-		
Tổng doanh thu bộ phận	2.478.887.876.639	2.660.436.224.380	727.518.279.045	400.466.082.272	(1.576.581.354.033)	(1.203.640.415.942)	1.629.824.801.651	1.857.261.890.710		
Chi phí bộ phận	(2.290.761.650.094)	(2.403.452.441.795)	(831.783.090.774)	(476.920.130.422)	1.573.309.824.770	1.201.113.440.333	(1.549.234.916.098)	(1.679.259.131.884)		
Kết quả kinh doanh bộ phận	188.126.226.545	256.983.782.585	(104.264.811.729)	(76.454.048.150)	(3.271.529.263)	(2.526.975.609)	80.589.885.553	178.002.758.826		
Doanh thu hoạt động tài chính									13.438.491.821	6.997.128.809
Chi phí tài chính									(73.818.375.554)	(109.856.849.101)
Thu nhập khác									20.607.686.964	1.809.060.604
Chi phí khác									(15.437.821.504)	(3.643.684.181)
Thuế thu nhập									(18.637.395.778)	(19.652.938.638)
Lợi nhuận sau thuế							6.742.471.502	53.655.476.319		

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2016	2015
	VND	VND
Trong nước	1.434.597.607.305	1.758.415.204.665
Xuất khẩu	195.227.194.346	98.846.686.045
	1.629.824.801.651	1.857.261.890.710

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong nước	2.344.534.996.901	1.884.190.626.313

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.423.485.393	4.616.413.144
Tiền gửi ngân hàng	69.217.794.687	84.937.930.487
	<hr/>	<hr/>
	70.641.280.080	89.554.343.631
	<hr/>	<hr/>

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	148.032.861.111	110.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,3% đến 6,9% (2015: từ 6,0% đến 7,1%) trong năm.

Tiền gửi dài hạn có kỳ hạn trên một năm và hưởng lãi suất năm là 6,6% (2015: 6,3%) trong năm.

Tiền gửi ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 30.000 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 23(a)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam	20.466.852.242	28.018.285.731
Công ty TNHH nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	21.261.164.915	23.612.987.955
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	29.303.399.269	26.592.163.857
Khách hàng khác	66.157.816.539	88.168.785.852
	<hr/>	<hr/>
	137.189.232.965	166.392.223.395
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho thành viên Ban Giám đốc của Tập đoàn vay trong vòng một năm, không được bảo đảm và được hưởng lãi suất năm 6,5% trong năm (2015: 6,5%).

9. Phải thu khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	6,356,545,116	3.453.579.168
Tạm ứng cho nhân viên (*)	25.692.865.923	19.785.854.818
Khác	17,075,742,051	9.239.853.118
	<hr/>	<hr/>
	49.125.153.090	32.479.287.104
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu này phản ánh tạm ứng cho nhân viên đại diện Tập đoàn để mua nguyên vật liệu, trong đó có một khoản tạm ứng trị giá 5 tỷ VND cho thành viên của Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 5 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi số VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng ĐaKai	3 năm	84.092.264	84.092.264	-
Công ty TNHH Vàng Biển Đông	3 năm	89.994.528	89.994.528	-
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp MASAN	3 năm	118.467.360	118.467.360	-
Công ty TNHH TMDV Minh Quân	3 năm	37.573.800	37.573.800	-
Khác	3 năm	39.347.000	39.347.000	-
		<u>369.474.952</u>	<u>369.474.952</u>	<u>-</u>
				<u>369.474.952</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

369.474.952

369.474.952

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	35.546.265.673	40.644.392
Nguyên vật liệu	199.294.812.717	69.301.043.593
Công cụ và dụng cụ	15.055.122.614	5.885.878.714
Sản phẩm dở dang	50.291.134.435	32.722.023.991
Thành phẩm	56.734.742.282	62.959.125.659
Hàng hóa	35.725.066.771	15.634.872.790
Hàng gửi đi bán	2.741.753.393	2.913.948.386
	<hr/>	<hr/>
	395.388.897.885	189.457.537.525

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	156.813.553.472	8.380.531.895	968.411.241.134	39.873.426.134	1.173.478.752.635
Tăng trong năm	17.239.543.069	1.471.248.548	15.659.079.389	-	34.369.871.006
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	67.837.129.029	348.853.000	125.081.387.723	475.102.000	193.742.471.752
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	33.185.465.332	-	33.185.465.332
Thanh lý	-	(431.585.209)	(204.368.086.922)	(912.492.000)	(205.712.164.131)
Số dư cuối năm	241.890.225.570	9.769.048.234	937.969.086.656	39.436.036.134	1.229.064.396.594
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.864.011.653	6.150.677.065	501.484.889.802	21.862.437.452	571.362.015.972
Khấu hao trong năm	7.951.001.701	1.082.682.451	76.427.847.753	4.013.910.272	89.475.442.177
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	7.895.712.828	-	7.895.712.828
Thanh lý	-	(427.162.768)	(120.311.723.241)	(812.492.000)	(121.551.378.009)
Số dư cuối năm	49.815.013.354	6.806.196.748	465.496.727.142	25.063.855.724	547.181.792.968
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	114.949.541.819	2.229.854.830	466.926.351.332	18.010.988.682	602.116.736.663
Số dư cuối năm	192.075.212.216	2.962.851.486	472.472.359.514	14.372.180.410	681.882.603.626

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 132.362 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: 175.097 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 479.951 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 371.582 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 23(a) và thuyết minh 23(b)(ii)).

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	152.780.346.608	98.225.520.140	251.005.866.748
Tăng trong năm	74.035.412.968	15.506.057.753	89.541.470.721
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	66.714.994.168	18.967.600.194	85.682.594.362
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.185.465.332)	-	(33.185.465.332)
Số dư cuối năm	260.345.288.412	132.699.178.087	393.044.466.499
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	58.954.958.414	8.662.739.170	67.617.697.584
Khấu hao trong năm	25.472.667.146	10.179.816.341	35.652.483.487
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.895.712.828)	-	(7.895.712.828)
Số dư cuối năm	76.531.912.732	18.842.555.511	95.374.468.243
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	93.825.388.194	89.562.780.970	183.388.169.164
Số dư cuối năm	183.813.375.680	113.856.622.576	297.669.998.256

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 23(b)(iii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	290.897.222.864	2.125.503.674	293.022.726.538
Tăng trong năm	30.602.524.680	2.478.100.000	33.080.624.680
Số dư cuối năm	321.499.747.544	4.603.603.674	326.103.351.218
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	15.575.979.063	1.968.871.359	17.544.850.422
Khấu hao trong năm	2.834.355.076	598.852.249	3.433.207.325
Số dư cuối năm	18.410.334.139	2.567.723.608	20.978.057.747
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	275.321.243.801	156.632.315	275.477.876.116
Số dư cuối năm	303.089.413.405	2.035.880.066	305.125.293.471

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 199.433 triệu VND), không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.927 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: 1.457 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 282.534 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 256.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 23(a) và thuyết minh 23(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.682.444.920	8.459.453.546
Tăng trong năm	283.827.545.643	2.222.991.374
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(193.742.471.752)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(85.682.594.362)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(165.000.000)	-
Xóa sổ	(6.344.480.546)	-
	8.575.443.903	10.682.444.920

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công trình nhà máy	4.553.723.713	-
Máy móc	2.475.876.190	1.998.760.374
Phần mềm ERP	-	7.356.980.546
Phương tiện vận chuyển	-	806.000.000
Khác	1.545.844.000	520.704.000
	8.575.443.903	10.682.444.920

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	11.763.397.020	15.163.620.582

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	13.623.519.003
Tăng trong năm	28.193.149.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	165.000.000
Phân bổ trong năm	(11.322.044.702)
Số dư cuối năm	30.659.624.187

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện	8,5% - 20%	679.264.389	432.363.900
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	17% - 20%	(37.630.000.000)	(37.630.000.000)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	36.358.145.391
Khấu hao trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	42.951.196.382
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	29.572.364.519
Số dư cuối năm	22.979.313.528

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Unilever Asia Private Limited	7.367.523.852	14.861.272.063
Indorama Polymers Public Company Limited	4.057.075.800	18.024.956.204
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	25.988.064.795	8.187.569.775
Các nhà cung cấp khác	151.420.730.938	105.913.212.278
	188.833.395.385	146.987.010.320

Số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.645.761.603	51.258.919.746	(52.768.529.545)	-	1.136.151.804
Thuế nhập khẩu	-	3.309.153.714	(3.309.153.714)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.701.457.544	18.884.296.267	(15.754.897.968)	(1.713.782.247)	4.117.073.596
Thuế thu nhập cá nhân	645.963.533	14.304.460.318	(13.716.004.995)	-	1.234.418.856
Các loại thuế khác	-	49.468.589	(49.002.500)	-	466.089
	5.993.182.680	87.806.298.634	(85.597.588.722)	(1.713.782.247)	6.488.110.345

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.177.548.486	-	(8.880.904.565)	(1.713.782.247)	13.582.861.674

21. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.748.880.859	652.505.478
Lương và thưởng	980.638.000	8.001.839.425
Chi phí quảng cáo	-	5.318.315.987
Chi phí khác	2.886.993.946	4.512.080.763
	8.616.512.805	18.484.741.653

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ của khách hàng	2.842.132.107	2.734.322.213
Cổ tức	800.000.000	-
Các khoản khác	2.159.385.539	1.627.803.223
	<hr/>	<hr/>
	5.801.517.646	4.362.125.436
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn	805.954.832.135	2.269.713.067.168	(2.167.186.345.048)	908.481.554.255
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	20.000.000.000	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	49.087.892.727	105.417.624.512	(82.257.382.090)	72.248.135.149
	875.042.724.862	2.395.130.691.680	(2.269.443.727.138)	1.000.729.689.404

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,0% - 7%	559.255.708.791	613.960.729.000
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,0%	81.597.195.211	52.794.670.119
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6,5% - 6,7%	148.408.715.403	139.199.433.016
Ngân hàng Tiên Phong	USD	2,5%	18.302.421.100	-
Ngân hàng xây dựng Trung Quốc	VND	6,5%	95.926.503.750	-
Ngân hàng xây dựng Trung Quốc	USD	2,8%	4.991.010.000	-
			908.481.554.255	805.954.832.135

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 163.599 triệu VND, 246.532 triệu VND và 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: tài sản cố định hữu hình giá trị 229.363 triệu VND và tài sản cố định vô hình giá trị 247.867 triệu VND) (thuyết minh 6, thuyết minh 12 và thuyết minh 14).

Các khoản vay được bảo đảm bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam theo mệnh giá 23.388 triệu VND.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trái phiếu thường (i)	200.000.000.000	-
Vay dài hạn (ii)	149.949.065.465	60.000.000.000
Nợ thuê tài chính (iii)	184.456.948.010	105.771.777.145
	<hr/>	<hr/>
	534.406.013.475	165.771.777.145
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(92.248.135.149)	(69.087.892.727)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	442.157.878.326	96.683.884.418
	<hr/>	<hr/>

(i) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	9,5%	2019	200.000.000.000	-
				<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,6%	2018	40.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,3%	2024	109.949.065.465	-
				149.949.065.465	60.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				129.949.065.465	40.000.000.000

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 316.532 triệu VND và 36.002 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: tài sản cố định hữu hình giá trị 142.219 triệu VND và tài sản cố định vô hình giá trị 6.118 triệu VND) (thuyết minh 12 và thuyết minh 14).

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

		31/12/2016 VND	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	82.404.268.025	10.591.698.136	72.248.135.149
Từ hai đến năm năm	124.620.254.311	12.411.441.450	112.208.812.861
	207.460.087.596	23.003.139.586	184.456.948.010

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2016		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	56.523.259.308	7.435.366.581	49.087.892.727
Từ hai đến năm năm	60.877.966.443	4.194.082.025	56.683.884.418
	117.401.225.751	11.629.448.606	105.771.777.145

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 810 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 1.539 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày									
1 tháng 1 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	12.384.599.570	608.716.467.947
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	55.753.003.817	(2.097.527.498)	53.655.476.319
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.090.050.395	(17.090.050.395)	-
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-	8.545.911.642	8.545.911.642
Số dư tại ngày									
1 tháng 1 năm 2016	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	170.663.978.335	1.742.933.319	670.917.855.908
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	6.408.555.456	333.916.046	6.742.471.502
Chia cổ tức (thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(48.245.922.000)	(1.160.000.000)	(49.405.922.000)
Số dư tại ngày									
31 tháng 12 năm 2016	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	128.826.611.791	916.849.365	628.254.405.410

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(4.004.078)	(88.088.780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	48.245.922	434.411.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.538.463	19,77%
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	6.233.932	12,92%
Khác	6.904.208	14,31%
	48.245.922	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

27. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 4 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 là 48.246 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phân phối (2015: không).

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.233.104.016	8.552.434.500
Trong vòng hai đến năm năm	55.094.572.759	28.521.916.350
	<hr/>	<hr/>
	74.327.676.775	37.074.350.850

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	197.979	4.494.116.513	353.734	7.941.326.959
EUR	6.904	164.640.033	6.937	169.635.866

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.656.760.433.232	1.871.163.250.743
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(10.643.858.702)	(34.365.600)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(9.170.567.407)
▪ Hàng bán bị trả lại	(16.291.772.879)	(4.696.427.026)
	(26.935.631.581)	(13.901.360.033)
Doanh thu thuần	1.629.824.801.651	1.857.261.890.710

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	10.438.300.610	5.634.608.875
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.582.161.698	1.348.036.509
Khác	1.418.029.513	14.483.425
	13.438.491.821	6.997.128.809

31. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	71.118.017.181	60.016.850.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.700.358.373	10.168.418.947
Lỗ từ thanh lý công ty con	-	39.661.341.705
Khác	-	10.238.385
	73.818.375.554	109.856.849.101

32. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	94.798.951.516	78.034.993.107
Chi phí nguyên vật liệu	3.010.085.080	683.066.516
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.055.854.485	10.997.440.708
Chi phí khấu hao	386.386.998	517.844.186
Chi phí vận chuyển	91.194.036.566	73.669.798.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.408.199.880	28.090.165.919
Chi phí quảng cáo	15.026.323.755	28.037.732.036
Chi phí khuyến mãi	13.371.772.061	4.486.369.897
Chi phí trưng bày sản phẩm	2.018.142.657	14.355.695.087
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	25.099.583.222	30.147.006.631
Chi phí khác	33.059.263.107	9.493.065.413
	342.428.599.327	278.513.178.428

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	58.645.377.771	39.862.940.376
Chi phí thiết bị văn phòng	1.112.353.001	947.576.238
Chi phí khấu hao	11.147.177.056	10.111.290.649
Phí và lệ phí	341.077.343	160.552.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.781.189.264	11.320.521.811
Chi phí quản lý khác	8.693.447.139	15.986.346.803
	<hr/> 106.720.621.574	<hr/> 78.389.228.171

34. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	18.490.910.790	-
Thu nhập khác	2.116.776.174	1.809.060.604
	<hr/> 20.607.686.964	<hr/> 1.809.060.604

35. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ từ xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.344.480.546	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	2.014.848.463
Chi phí khấu hao của tài sản không sử dụng	3.245.625.035	-
Chi phí khác	5.847.715.923	1.628.835.718
	<hr/> 15.437.821.504	<hr/> 3.643.684.181

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	715.336.546.865	1.098.907.934.560
Chi phí nhân công và nhân viên	248.948.578.076	198.490.753.932
Chi phí khấu hao và phân bổ	135.154.183.980	134.889.143.095
Chi phí khác	476.863.136.313	371.516.558.429

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	21.144.914.315	13.001.383.214
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(2.260.618.048)	2.854.676.472
	18.884.296.267	15.856.059.686
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(246.900.489)	3.796.878.952
	18.637.395.778	19.652.938.638

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.379.867.280	73.308.414.957
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.075.973.456	16.127.851.291
Ưu đãi thuế	(8.035.239.814)	(24.569.144.425)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	(1.379.494.814)	1.456.041.342
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.185.615.159	2.989.142.389
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.342.361.247)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(2.260.618.048)	2.854.676.472
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	25.393.521.086	20.794.371.569
	18.637.395.778	19.652.938.638

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước mức thuế thu nhập là 20% trên lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ năm công ty bắt đầu hoạt động và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo. Sau đó, từ năm 2016 mức thuế thu nhập áp dụng cho cả hai công ty là 17% cho số năm còn lại của 10 năm đầu tiên kể từ năm công ty bắt đầu hoạt động.

Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam, Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế và Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế La Maison có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước mức thuế thu nhập lần lượt là 15% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ năm công ty bắt đầu hoạt động và theo thuế suất thu nhập thông thường cho những năm sau đó và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hai năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	6.408.555.456	55.753.003.817

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	48.245.922	48.245.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

39. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2016	2015
	VND	VND
Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	173.225.304.709	47.403.029.711
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	15.953.173.402	5.134.746.148

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

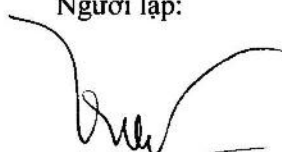
Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	23.874.384.129	17.466.294.126
Cho vay	-	19.700.000.000

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc